

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2026

Căn cứ Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 016/TTr-SKHCN ngày 15/01/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

1. Về hạ tầng số

- Tỷ lệ phủ sóng 5G cho người dân trên địa bàn đạt 91%¹ (vượt chỉ tiêu $\geq 60\%$).
- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định tốc độ trên 1Gbps/s đạt 90% (vượt chỉ tiêu $\geq 80\%$).

2. Về nguồn lực số

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh và 90% cán bộ công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản (vượt chỉ tiêu $\geq 80\%$).
- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông (Đạt chỉ tiêu).

3. Về chính quyền số:

- Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính đạt 100% (vượt chỉ tiêu $\geq 70\%$).
- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa đạt 88,24% (vượt chỉ tiêu $\geq 70\%$).

¹ Tính đến 31/12/2025, trên địa bàn tỉnh hiện có 734 trạm 5G

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 99,8% (vượt chỉ tiêu $\geq 80\%$).
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến đạt 86,9% (vượt chỉ tiêu $\geq 70\%$).

4. Về dữ liệu và định danh

- 60% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.
- 82,97% người dân có tài khoản định danh điện tử VNeID (vượt chỉ tiêu $\geq 50\%$).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban; Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06 và chuyển đổi số do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban.

- Ban Chỉ đạo của Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 13/10/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

- 100% các sở, ngành, địa phương đã hoàn thành việc xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong chương trình công tác hằng năm.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC liên thông trong các lĩnh vực (Khoa học và Công nghệ, An toàn bức xạ, Viễn thông...) đáp ứng theo quy định Luật Giao dịch điện tử.

3. Hạ tầng số

- Phủ sóng di động và băng rộng di động đạt 100% tại trung tâm xã/phường và 99,9% tại thôn/làng². Triển khai 734 trạm 5G, đạt tỷ lệ phủ sóng 91% khu vực có dân cư.

- Kết nối 02 tuyến cáp quang biển quốc tế (ADC và SJC2) đảm bảo chất lượng kết nối Internet.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu vận hành ổn định với 40 máy chủ vật lý, trên

² Còn 16 thôn chưa có mạng băng rộng cố định.

280 máy chủ ảo hóa.

- 100% cơ quan nhà nước kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II và chuyển đổi sang IPv6.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

- Đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho hơn 15.760 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai hiệu quả mô hình “Bình dân học vụ số” và “Bình dân AI học vụ”, tập huấn kỹ năng số cho hơn 7.600 cán bộ và 10.500 lượt học sinh, đoàn viên thanh niên.

- Thành lập và duy trì hoạt động của 1.777 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 7.291 thành viên để hướng dẫn người dân.

- Trường Đại học Quy Nhơn đang đào tạo khoảng 860 sinh viên các ngành công nghệ cao (AI, vi mạch, khoa học dữ liệu...).

5. Dữ liệu số

- Nền tảng LGSP của tỉnh đã kết nối thành công với 18 hệ thống/CSDL quốc gia và bộ ngành.

- Hoàn thành số hóa 100% tài liệu lưu trữ cấp huyện (hơn 1,1 triệu trang) và cấp xã (hơn 1,1 triệu trang).

- Thực hiện chiến dịch làm sạch CSDL quốc gia về đất đai, đối khớp dữ liệu cho hơn 2 triệu thửa đất.

- Ngành Y tế hoàn thành liên thông dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử, Giấy khám sức khỏe lái xe tại 100% cơ sở y tế.

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp; hệ thống SOC kết nối chia sẻ dữ liệu với Bộ Công an.

- Triển khai các thiết bị tường lửa thế hệ mới, chống tấn công DDoS tại Trung tâm tích hợp dữ liệu.

- Thành lập Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng và tổ chức diễn tập thực chiến.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ; phát hiện và khắc phục 06 lỗ hổng bảo mật tại các website sở, ngành.

7. Chính quyền số

- Dịch vụ công trực tuyến: Cung cấp 100% TTHC dưới dạng dịch vụ công trực tuyến (2.193 DVC), trong đó có 1.081 DVC toàn trình. Thực hiện cắt giảm

1.478 TTHC.

- Quản trị điều hành: 100% văn bản gửi nhận điện tử được ký số. Triển khai Hệ thống Trợ lý ảo hỗ trợ người dân và cán bộ công chức. Vận hành hiệu quả các nền tảng: Sổ tay điện tử, Gia Lai Dashboard, Hệ thống thông tin cấp xã.

- Ứng dụng AI: Triển khai Trợ lý ảo (AI) hỗ trợ công việc cho 100% sở, ban, ngành và xã, phường. Ứng dụng AI trong giám sát giao thông, nhận diện đám đông tại IOC.

8. Kinh tế số và Xã hội số

- Kinh tế số: có 87,35% hộ kinh doanh kết nối hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Hỗ trợ 576 hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử. Thu hút các tập đoàn lớn (FPT, Tormem) đầu tư vào lĩnh vực AI, bán dẫn.

- Xã hội số: 100% trường học và cơ sở y tế triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Đã cấp hơn 28.500 chứng thư số cho tổ chức/cá nhân và cấp chữ ký số công cộng cho hơn 292.000 người dân. Tỷ lệ kích hoạt tài khoản VNeID đạt 76,52%.

- Triển khai mô hình ‘Chợ số - Nông thôn số’ và mô hình 4T cho tiểu thương.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

- Các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số được lồng ghép trong các chiến dịch truyền thông và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Chia sẻ và nhân rộng mô hình “Bình dân học vụ số” và “Bình dân AI học vụ”.

- Tổ chức hội thảo Trải nghiệm ứng dụng AI trong Quản trị điều hành cho hơn 300 doanh nghiệp.

- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh đã phát sóng chuyên đề về khoa học công nghệ và chuyển đổi số định kỳ 12 số/12 tháng.

- Hệ thống thông tin nguồn đã kết nối đến hơn 3.600 cụm loa thông minh để tuyên truyền.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Nhìn chung, công tác chuyển đổi số của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực và có chuyển biến rõ nét trên hầu hết các lĩnh vực. Điểm nổi bật là công tác nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số được triển khai đồng bộ, quy mô lớn theo phong trào “Bình dân học vụ số”, góp phần lan tỏa tinh thần chuyển đổi số đến cán bộ và người dân. Hạ tầng số tiếp tục được quan tâm đầu tư, với mức phủ sóng di động và băng rộng cao đến hầu hết thôn, làng, đồng thời từng bước chuẩn bị

các điều kiện cho triển khai 5G và IoT. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin được tăng cường tương đối đồng bộ, có vận hành Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) và duy trì kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, IPv6. Các điều kiện thúc đẩy giao dịch điện tử được cải thiện rõ rệt thông qua việc cấp chữ ký số cho đội ngũ CBCCVV gần như phủ kín và từng bước mở rộng cho người dân, doanh nghiệp. Chính quyền số đạt được những kết quả cụ thể khi hoàn thành tích hợp hệ thống thủ tục hành chính với Cổng Dịch vụ công quốc gia và cung cấp 100% thủ tục hành chính dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến. Công tác quản trị, chỉ đạo điều hành và tác nghiệp trên môi trường số được đẩy mạnh, thể hiện qua việc 100% cơ quan nhà nước sử dụng văn phòng điện tử và thực hiện liên thông văn bản điện tử.

2. Khó khăn, hạn chế

- Nhiệm vụ chuyển đổi số phát sinh lớn, thay đổi theo yêu cầu thực tiễn nhưng nhân lực cho công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin còn thiếu và yếu, việc tuyển dụng rất khó khăn nhất là đối với các đơn vị cấp xã.
- Việc triển khai các nền tảng số, CSDL, Hệ thống thông tin còn khó khăn do phụ thuộc nhiều vào sự tham gia và năng lực khai thác của các cá nhân, cơ quan, đơn vị. Một số Hệ thống thông tin dùng chung toàn quốc còn chưa đáp ứng nhu cầu khai thác tại địa phương;
- Việc chia sẻ dữ liệu chuyên ngành từ các Bộ, ngành Trung ương về địa phương còn gặp nhiều vướng mắc, chưa theo thời gian thực.

PHẦN II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;
- Kế hoạch hành động số 22/KH/TU ngày 03/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Kế hoạch 31-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026
- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, gắn với cải cách hành chính và Đề án 06 thiết thực, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.
- Bám sát quan điểm, định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan; quyết tâm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra tại các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, Đề án 06 và các chương trình, kế hoạch của bộ, ngành, địa phương đã đề ra.
- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng thật những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.
- Gắn kết chặt chẽ với hoạt động cải cách quy trình, thủ tục hành chính, hiện đại hóa hoạt động hành chính của cơ quan nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng số

- 100% thôn, làng đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động 4G; phần đầu tỷ lệ phủ sóng 5G cho người dân trên 60%; đảm bảo các hộ gia đình có khả năng tiếp cận truy cập Internet cố định, tốc độ trung bình 1Gb/s.
- 100% các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2.2. Chính quyền số

- Phần đầu đạt 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình; 100% thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; trên 80% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính.
- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% cán bộ, công chức, viên chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

2.3. Kinh tế số, xã hội số

- Phần đầu kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh.
- Mỗi người dân có một định danh số.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 60% trở lên.
- 90% người dân có tài khoản thanh toán số tại các ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.
- 100% học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Trong năm 2026, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 các cấp, các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyển đổi số để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra; định kỳ hằng quý hoặc đột xuất báo cáo tiến độ thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, địa phương.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu, đề xuất tổ chức các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể, các cuộc họp cần xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ.

2. Rà soát, hoàn thiện thể chế

- Rà soát, xây dựng, ban hành kịp thời các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số nhanh, bền vững, như chính sách khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp, chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng...

- Xây dựng, ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn về quy chuẩn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do tỉnh quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính của tỉnh theo các chỉ đạo mới nhất của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về triển khai chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

- Duy trì, nâng cấp hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, Trung tâm IOC tỉnh, bảo đảm năng lực cung cấp, khai thác hiệu quả thông tin. Ưu tiên thiết lập, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây. Đảm bảo vận hành ổn định các hệ thống hạ tầng tập trung của tỉnh, kết nối thông suốt với Trung tâm Dữ liệu quốc gia và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Triển khai hiệu quả, đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức, quản lý, chất lượng, an toàn thông tin cho kết nối, liên thông giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 3080/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Phát triển hạ tầng số, hạ tầng băng rộng (di động, cố định) hướng tới phổ

cập với băng thông rộng, tốc độ cao; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp để thực hiện xóa vùng lõm sóng di động băng rộng, chưa có băng rộng cố định tại các địa phương, phấn đấu 100% các thôn, bản đang lõm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông triển khai cung cấp dịch vụ di động 5G, trong đó tập trung triển khai phủ sóng tại các khu vực thành thị, khu kinh tế, khu công nghiệp...; thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền thành phố, y tế và giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng đảm bảo triển khai hiệu quả Kế hoạch 96/KH-UBND ngày 17/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai, hỗ trợ, hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ số,...).

- Xây dựng, ban hành danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

4. Nhân lực số

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số nói chung và tập huấn chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo (AI), kiến trúc, dữ liệu, phân tích dữ liệu cho đội ngũ chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động, tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng, người dân, doanh nghiệp để khai thác các nền tảng số, dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp: hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ trên không gian mạng, dịch vụ phản ánh hiện trường...

- Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

5. Phát triển dữ liệu số

- Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo

Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 20/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ.

- Tập trung số hóa, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, công thương.

- Triển khai các nền tảng số dùng chung theo Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông giữa các ngành, lĩnh vực.

- Kết nối và hình thành cơ sở dữ liệu được nêu trong danh mục tại Đề án xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Gia Lai (Trung tâm IOC) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 29/10/2025, đảm bảo nguồn dữ liệu theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Mở rộng kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia với các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh Gia Lai thông qua Hệ thống tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai rà soát, xác định, đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt theo Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng trong năm 2026 đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên (ít nhất 01 cuộc/năm).

- Đầu tư trang bị thiết bị và bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin, sao lưu dữ liệu tại các sở, ban, ngành của tỉnh.

7. Chính quyền số

7.1. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số

- Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo, Phần mềm đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả công

việc... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng; Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử cho 77 xã, phường (địa bàn Gia Lai cũ) và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 – 2025;

- Phát triển nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh (Kho dữ liệu số dùng chung), tổng hợp, phân tích xử lý dữ liệu, tạo ra giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai các nền tảng, ứng dụng số các ngành, lĩnh vực như: Hệ thống quản lý đất đai; Nền tảng bản đồ số dùng chung; hệ thống quản lý đầu tư công; hệ thống thông tin quản lý và khai thác CSDL quy hoạch xây dựng, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật

7.2. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động. Tiếp tục duy trì hệ thống Trợ lý ảo của từng ngành tại địa chỉ <http://trolyao.gialai.gov.vn>.

- Tiếp tục ứng dụng, tích hợp Trợ lý ảo để hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Kinh tế số:

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp: hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại điện tử: Hỗ trợ chuyển đổi mô hình hoạt động của các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tạp hoá và chợ truyền thống; các làng nghề thủ công mỹ nghệ dựa trên công nghệ số và dữ liệu số; hình thành liên kết, chuỗi cung ứng số hoá toàn trình từ khâu phân phối hàng hoá, quản lý kho hàng đến quản trị kinh doanh, thương mại trên các kênh số; triển khai triệt để giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách; ưu tiên phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng chuyển đổi số lĩnh vực bán buôn, bán lẻ.

- Thu hút các doanh nghiệp lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành

bán dẫn, AI và an ninh mạng đầu tư vào Khu đô thị Khoa học Quy Hòa và Trung tâm Trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ Long Vân.

- Tập trung phát triển kinh tế số ở các ngành, lĩnh vực có tiềm năng như: thương mại điện tử; nông nghiệp; văn hóa, du lịch; công nghiệp sản xuất, chế tạo...Đẩy mạnh công tác quản lý thuế, cung cấp các dịch vụ thuế điện tử hỗ trợ việc kê khai nộp thuế theo phương thức điện tử, hóa đơn điện tử đối với các hoạt động thương mại điện tử, livestream bán hàng trên các nền tảng công nghệ số.

- Tổ chức các hội nghị về phát triển kinh tế số; lồng ghép nội dung về phát triển kinh tế số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

8.2. Xã hội số:

- Tiếp tục triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân để người dân tham gia dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ điện tử...).

- Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế, hộ kinh doanh.

- Triển khai các nhiệm vụ: phổ cập định danh số; thanh toán điện tử; hóa đơn điện tử ... trong các ngành, lĩnh vực của đời sống, các hoạt động kinh tế - xã hội.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức số

- Tuyên truyền, phát huy vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng. Khuyến khích triển khai các hoạt động, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết CCHC với chuyển đổi số; đề các cơ quan, tổ chức, CBCC, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện thuận tiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ số; tuyên truyền cho người dân thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh để có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công; tạo

điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với xây dựng chính quyền số; rà soát, điều chỉnh các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, các trường đại học đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh về kỹ năng số, các nội dung theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và công nghệ thông tin để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

- Tăng cường công tác phối hợp các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn và huy động các nguồn lực xã hội hóa để triển khai công tác hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo mua điện thoại thông minh, phổ cập dịch vụ viễn thông, internet và phát triển hạ tầng tại các khu vực khó khăn. Phân đầu mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh, mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Ưu tiên bố trí đầu tư để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng dịch vụ số của tỉnh.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số; tổ chức hội thảo, xây dựng

chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

6. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả. Hằng năm, ưu tiên bố trí 1% tỷ lệ chi ngân sách nhà nước các cấp (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) cho chuyển đổi số.

- Các đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện có trách nhiệm đánh giá về hiện trạng, xây dựng dự toán kinh phí phù hợp với các nhiệm vụ cụ thể ở Kế hoạch này và tổ chức triển khai theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Tăng cường các hình thức thuê dịch vụ, hợp tác công - tư, vận dụng kết hợp các nguồn lực của xã hội...

7. Các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương; gắn kết, đồng bộ với các tiêu chí đánh giá về cải cách hành chính.

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát, đo lường bằng các công cụ, phương tiện trực tuyến; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý (tối thiểu 01 lần/02 năm đối với hệ thống cấp độ 1, cấp độ 2; 01 lần/năm đối với hệ thống thông tin cấp độ 3, cấp độ 4; 01 lần/06 tháng đối với hệ thống thông tin cấp độ 5). Rà soát danh sách các website (.gov.vn) bao gồm cả các sub domain để tiến hành đánh giá an toàn thông tin định kỳ và triển khai gắn nhãn tín nhiệm mạng cho các website; rà soát, cảnh báo an toàn thông tin mạng, lộ lọt thông tin cá nhân.

V. LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục danh mục các nhiệm vụ, dự án năm 2026 kèm theo.

2. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN:

Danh mục 47 nhiệm vụ Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia vào Kế hoạch.

- Chủ trì đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Công an tỉnh

- Chủ trì bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin – dữ liệu giữa các hệ thống; bảo vệ hệ thống thông tin và hạ tầng chuyển đổi số của tỉnh.

- Chủ trì, triển khai các nội dung liên quan đến việc sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 4/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện Kế hoạch.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các địa phương

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể để triển khai tại đơn vị, địa phương mình; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu và tiến độ đề ra.

- Các cơ quan tại địa phương chủ động nghiên cứu Danh mục và kế hoạch

triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng tại Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ để xác định các nền tảng liên quan đến lĩnh vực hoạt động và nghiệp vụ của cơ quan, đơn vị mình; có trách nhiệm tổ chức triển khai sử dụng nền tảng số dùng chung và thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm cập nhật, khai thác đối với dữ liệu trong quá trình sử dụng nền tảng số này.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ 6 tháng, năm (*báo cáo 6 tháng gửi trước 20/6 và báo cáo năm gửi trước ngày 30/11*) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2026, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Tỉnh đoàn Gia Lai;
- UBND các xã, phường;
- LĐ, CVVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, V1, V9.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang